

Vườn Quốc gia Yok Don

Tên khác

Tiêu Sọ-Easup

Tỉnh

Đắk Lắk

Tình trạng

Quyết định

Ban quản lý được thành lập

Có

Vĩ độ

12°47' - 13°00' vĩ độ Bắc

Kinh độ

107°29' - 107°50' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

10a - Trung tâm Đông Dương



Tình trạng bảo tồn

Các thông tin chính xác về Vườn Quốc gia Yok Đôn không có sẵn, hình như khu vực này lần đầu tiên công nhận là một khu bảo tồn thiên nhiên năm 1977 (Davis *et al.* eds. 1995). Sau đó, ngày 09/08/1986, Quyết định Số 194/CT của chủ tịch hội đồng Bộ trưởng đã quyết định thành lập một khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích 40.000 ha và tên gọi là Tiêu Tọ Easup. Dựa theo quyết định của Chính phủ, hình như khu bảo vệ có hai phần: diện tích 20.000 ha ở huyện Chư Prông, thuộc tỉnh Gia Lai, và 20.000 ha ở huyện Easup, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, các khu bảo vệ đã không được xây dựng tại những điểm nêu trên, và thay thế khu vực Tiêu Tọ Easup là thành lập một khu bảo tồn thiên nhiên Yok Đôn ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn 1997). Ban Quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Yok Đôn thành lập năm 1989, với 23 cán bộ công nhân viên (MacKinnon *et al.* 1989).

Tiếp theo việc thành lập Khu Bảo tồn Thiên nhiên Yok Đôn, một dự án đầu tư đã được soạn thảo để nâng cấp Yok Đôn lên phân hạng quản lý vườn quốc gia. Dự án đầu tư đã được thẩm định ngày 29/10/1991, theo Quyết định Số 352/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Anon. 1989). Diện

tích vườn quốc gia theo quyết định là 58.200 ha (Bộ NN và PTNT 1997).

Kể từ khi thành lập Vườn Quốc gia Yok Đôn hiện đã có một số đề xuất mở rộng vườn quốc gia nhằm bao gồm các hệ sinh thái rừng liên tiếp và mở rộng diện tích bảo tồn cho các loài thú và chim có liên quan đến bảo tồn. Dựa theo kết quả điều tra thú lớn ở tỉnh Đắk Lắk, Lê Xuân Cảnh *et al.* (1997) đã đề xuất mở rộng vườn quốc gia về phía bắc tới ranh giới với tỉnh Gia Lai, như vậy sẽ bao gồm diện tích lớn của huyện Easup. Đề xuất này lại được lặp lại và bổ sung thêm bởi Brickle *et al.* (1998), theo nghiên cứu về tình trạng và phân bố của loài Công *Pavo muticus* ở tỉnh Đắk Lắk.

Năm 1998, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (FIPI) đã soạn thảo dự án đầu tư Vườn Quốc gia Yok Đôn mở rộng. Dự án này đã đề xuất mở rộng vườn quốc gia thêm 57.345 ha, trong đó mở rộng lên phía bắc 54.563 ha, ở huyện Buôn Đôn và Easup, và mở rộng về phía nam 2.782 ha, ở huyện Cư Jút. Như vậy tổng diện tích của vườn quốc gia là 115.545 ha (Anon. 1998). Dự án đầu tư đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê chuẩn, và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sẽ thẩm định vào đầu năm 2001 (Lê Trọng Trãi pers. comm.).

Địa hình và thủy văn

Vườn Quốc gia Yok Đôn nằm ở huyện Buôn Đôn về phía tây tỉnh Đắk Lắk. Vườn quốc gia giáp với huyện Cư Jút về phía nam, Cam-pu-chia phía tây và sông Srepok về phía bắc và phía đông. Yok Đôn nằm trên vùng cao nguyên thấp bao gồm phía bắc của tỉnh Đắk Lắk và phía nam của tỉnh Gia Lai thuộc Tây Nguyên. Hầu hết địa hình khu vực bằng phẳng, độ cao khoảng 200 m. Tuy nhiên, cũng có hai dãy đồi thấp trong vườn quốc gia, điểm cao nhất của dãy núi phía tây bắc là núi Yok Đa cao 474 m, trong khi đó dãy phía đông nam cao nhất là núi Yok Đôn cao 482 m (tên của vườn quốc gia).

Vườn Quốc gia Yok Đôn thuộc lưu vực sông Srepok, là một nhánh chính của sông Mê Kông. Sông Srepok là sông có nguồn nước thường xuyên chảy qua vườn quốc gia trong mùa khô bởi hai suối lớn là Dak Ken và Dak Na, hai suối này chia nước cho hàng loạt vũng nước nhỏ. Trong vườn quốc gia có rất nhiều các hồ nước, một số trong chúng có thể có nước quanh năm.

Đa dạng sinh học

Theo Cục Kiểm lâm (1998), Vườn Quốc gia Yok Đôn có 56.192 ha rừng, tương đương với 97% tổng diện tích vườn. Số liệu ảnh vệ tinh chỉ ra rằng chủ yếu rừng của vườn là rừng rụng lá, với diện tích nhỏ rừng nửa rụng lá và rừng thường xanh. Rừng rụng lá ưu thế bởi các loài trong họ Dầu Dipterocarpaceae, bao gồm các loài *Dipterocarpus tuberculatus*, *D. obtusifolius* and *Shorea obtusa*. Tuy nhiên cũng có đại diện của các họ như Xoài Anacardiaceae, Bàng Combretaceae, Đậu Fabaceae và Sim Myrtaceae. Đặc trưng của kiểu rừng này là tán thưa, cây có vỏ dày, khó bắt lửa (Anon. 1998).

Khác với rừng rụng lá, rừng nửa rụng lá khép tán, tán dày và rừng có năm tầng. Kiểu rừng này có các loài đặc trưng như *Lagerstroemia calyculata*, *Shorea cochinchinensis* và *Anisoptera scaphula*. Rừng thường xanh có diện tích nhỏ và phân bố hẹp trên các đồng đồi cao ở phía tây nam của vườn quốc gia. Kiểu rừng này ưu thế bởi các

loài của họ Đậu Fagaceae, Thầu dầu Euphorbiaceae, Bồ hòn Sapindaceae, Thị Ebenaceae và Xoan Meliaceae (Anon. 1998).

Do đặc trưng của rừng rụng lá có thành phần thực vật đơn giản, tính đa dạng thấp hơn rừng thường xanh nên tính đa dạng của khu hệ thực vật Yok Đôn thấp hơn các vườn quốc gia khác ở Việt Nam. Cho đến nay, đã ghi nhận 474 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 28 loài có trong *Sách Đỏ Việt Nam* (Anon. 1998). Yok Đôn được xem như một trong bảy trung tâm đa dạng của các loài thực vật ở Việt Nam (Davis *et al.* eds. 1995).

Vườn Quốc gia Yok Đôn nổi tiến là khu vực có tầm quan trọng để bảo tồn các loài thú lớn. Duckworth và Hedges (1998) đã xác nhận nhiều loài thú lớn hiện có ở vườn bao gồm Voi châu á *Elephas maximus*, Bò tót *Bos gaurus*, Bò rừng *B. javanicus* và Hổ *Panthera tigris*. Tuy nhiên, họ cho rằng số lượng quần thể của bốn loài trên ở vườn quốc gia đã suy giảm nghiêm trọng. Các loài khác có tầm quan trọng bảo tồn vừa mới được ghi nhận cho vườn quốc gia gần đây bao gồm Voọc bạc *Semnopithecus cristatus*, Sói đỏ *Cuon alpinus* và Chó rừng *Canis aureus* (Lê Xuân Cảnh *et al.* 1997, Duckworth *et al.* 1998).

Một số tài liệu đã thống kê loài bị đe dọa rất nghiêm trọng trên toàn cầu là Bò xám *Bos sauveli* có ở Vườn Quốc gia Yok Đôn (như MacKinnon *et al.* 1989, Davis *et al.* eds. 1995). Trong quá trình điều tra thú lớn năm 1997, tuy nhiên, Lê Xuân Cảnh *et al.* (1997) đã không tìm thấy bằng chứng nào về sự hiện diện của loài này ở khu vực.

Theo Lê Xuân Cảnh *et al.* (1997), Vườn Quốc gia Yok Đôn có nhiều loài chim đang bị đe dọa và gần bị đe dọa toàn cầu, bao gồm Già đầy nhỏ *Leptoptilos javanicus*, Cắt nhỏ hông trắng *Polihierax insignis* và Diều xám *Butastur liventer*. Hơn thế nữa, Vườn Quốc gia Yok Đôn là một trong số rất ít khu bảo vệ của Việt Nam đang có quần thể của loài đang bị đe dọa toàn cầu là Công *Pavo muticus*. Tuy nhiên, Brickle *et al.* (1998), đã ước đoán Yok Đôn chỉ có khoảng 11% quần thể công của tỉnh Đắk Lắk, và đã kiến nghị rằng vườn quốc gia cần phải mở rộng để tăng diện tích bảo tồn cho loài này.

Các vấn đề về bảo tồn

Năm 1989, kế hoạch quản lý cho Khu Bảo tồn Thiên nhiên Yok Đôn đã được MacKinnon *et al.* soạn thảo (1989). Các tác giả của bản thảo kế hoạch đã xác định các vấn đề chủ yếu mà ban quản lý khu bảo tồn đang phải đối mặt như: săn, bắn trộm, chặt gỗ và khai thác nhựa dầu; cháy rừng; an ninh nghiêm ngặt; thiếu cán bộ thích hợp và được đào tạo tốt; thiếu trang bị cần thiết và kinh phí; và thiếu hiểu biết về kỹ thuật và số liệu.

Hiện tại săn bắn đe dọa trực tiếp mạnh nhất nhất đối với tính đa dạng sinh học ở Vườn Quốc gia Yok Đôn. Đợt điều tra thực địa của Lê Xuân Cảnh *et al.* (1997) đã cho thấy rằng, mặc dù nơi đây có sinh cảnh thích hợp nhưng quần thể của các loài thú lớn và chim của Vườn Quốc gia Yok Đôn đã suy giảm mạnh trong những năm qua, các hoạt động quản lý hiện nay không duy trì được quần thể ổn định của các loài động vật của vườn. Do đó, Lê Xuân Cảnh *et al.* (1997) đã đề xuất tập trung các nỗ lực bảo tồn ở Yok Đôn từ điều tra sang tăng cường tổ chức của cán bộ vườn quốc gia. Các hoạt động này như một phần của dự án PARC đang thực hiện bởi Tổ chức WWF và GTZ.

Sự di dân vào các vùng xung quanh Vườn Quốc gia Yok Đôn đang dẫn đến tăng sức ép của con người đối với tài nguyên thiên nhiên, và đang đe dọa tới các hoạt động bảo tồn của vườn quốc gia. Vào giữa năm 1979 và 1989 tỉ lệ di dân vào tỉnh Đắk Lắk cao nhất trong các tỉnh của cả nước. Tương tự như vậy trong vòng 5 năm 1990 đến 1995, dân số của tỉnh Đắk Lắk tăng lên 21%, ước tính từ 1.026.000 người lên tới 1.242.000 người (Brickle *et al.* 1998). Sự di dân vào tỉnh Đắk Lắk đã ảnh hưởng đáng kể lên hệ sinh thái rừng của tỉnh, đặc biệt đối với Vườn Quốc gia Yok Đôn. Tăng nhu cầu đối với các sản phẩm của rừng, bao gồm gỗ và động vật hoang dã, điều đó đã góp phần làm mất tính đa dạng sinh học của Vườn Quốc gia Yok Đôn, phát rừng để lấy trồng trọt và buôn bán đất đã dẫn đến mất diện tích rừng xung quanh vườn (Huỳnh Thu Ba 1998).

Các giá trị khác

Huyện Buôn Đôn nổi tiếng là trung tâm của voi nhà, ở đây có truyền thống lâu đời trong số các nhóm dân tộc thiểu số của Tây Nguyên. Cưỡi Voi hiện nay đang phổ biến và hấp dẫn trong du lịch, tăng số lượng du khách và thu nhập cho vùng. Các du khách đến với Yok Đôn có thể cưỡi voi vào trong vườn quốc gia. Phát triển một loại hình du lịch sinh thái độc đáo này là có thể, tuy nhiên, tạo nên sự kích lệ kinh tế để săn bắt một số voi còn lại ở phía tây của tỉnh Đắk Lắk. May mắn thay, tiềm năng phát triển loại hình du lịch nhạy cảm đối với môi trường và mang lại lợi nhuận cao cho cả công tác bảo tồn và các cộng đồng dân cư ở Vườn Quốc gia Yok Đôn, và sự phát triển loại hình này đang được hỗ trợ của dự án PARC.

Các dự án có liên quan

Dự án lớn nhất đang được hiện ở Vườn Quốc gia Yok Đôn có tiêu đề *Tạo dựng các Khu Bảo vệ đối với Bảo tồn Tài nguyên thiên nhiên Sử dụng Sinh thái Cảnh quan (PARC)*. Văn kiện sự án đã được ký ngày 20 tháng 11 năm 1998, và dự án bắt đầu thực hiện vào năm 1999. Dự án PARC được tài trợ bởi Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) và với mục đích sử dụng phương pháp sinh thái cảnh quan để thực hiện công tác bảo tồn. Tại Vườn Quốc gia Yok Đôn, các hoạt động của dự án chia thành 10 lĩnh vực: cơ sở hạ tầng khu bảo vệ; quản lý khu bảo vệ; giám sát sinh học và xã hội; quy hoạch sử dụng đất; giáo dục môi trường và nhận thức; phát triển du lịch sinh thái; phát triển nông nghiệp; nâng cao khả năng hình thành các nguồn thu nhập thay thế; lâm nghiệp; và xây dựng một khung thể chế cho vườn quốc gia và vùng đệm. Dự án PARC cũng triển khai ở khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Na Hang và Vườn Quốc gia Ba Bể, ở các điểm này dự án đang được thực hiện bởi Tổ chức Scott Wilson Asia-Pacific Ltd.

Tài liệu tham khảo

Anon. (1998) [Investment plan for expanding Yok Don National Park]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1998) The investment project to expand the Yokdon National Park. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute.

Anon. (1999) PARC Project: an introduction to the project. Hanoi: WWF and GTZ.

Anon. (1999) [PARC Project: an introduction to the project]. Hanoi: WWF and GTZ. In Vietnamese.

Brickle, N. W., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh, Nguyen Thai Tu Cuong and Hoang Van San (1998) [The status and distribution of Green Peafowl *Pavo muticus* in Dak Lak province, Vietnam](#). Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.

Brickle, N. W., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh, Nguyen Thai Tu Cuong and Hoang Van San (1998) [\[The status and distribution of Green Peafowl *Pavo muticus* in Dak Lak province, Vietnam\]](#). Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme. In Vietnamese.

CRES (1997) Study on socio-economic root causes of biodiversity loss in two distinct eco-regions of Vietnam: case studies of Ba Be National Park and Na Hang Nature Reserve in the mountainous north and Yok Don National Park in the Central Highlands. Hanoi: Centre for Natural Resources and Environmental Studies.

CRES (1997) [Study on socio-economic root causes of biodiversity loss in two distinct eco-regions of Vietnam: case studies of Ba Be National Park and Na Hang Nature Reserve in the mountainous north and Yok Don National Park in the Central Highlands]. Hanoi: Centre for Natural Resources and Environmental Studies. In Vietnamese.

Dang Huy Huynh, Cao Van Sung and Le Xuan Canh (1995) A report on the survey for biological resources in Yok Don National Park, south Vietnam. Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources.

Davis, S. D., Heywood, V. H. and Hamilton, A. C. eds. (1995) Centres of plant diversity: a guide and strategy for their conservation. Cambridge, U.K.: WWF and IUCN.

Dillon, T. C. and Wikramanayake, E. D. (1997) Parks, peace and progress: a forum for transboundary conservation in Indochina. *Parks* 7(3): 36-51.

Do Quang Tung (1999) [Features of Vietnam's PARC project - VIE/95/G31]. Lam Nghiep [Vietnam Forest Review]. May 1999: 17-18. In Vietnamese.

Dodd, J. and Lewis, M. (1996) Vietnam: the rough guide. London: Rough Guides.

Duckworth, J. W., Anderson, G. Q. A., Desai, A. A. and Steinmetz, R. (1998) A clarification of the status of the Asiatic Jackal *Canis aureus* in Indochina. *Mammalia* 62 (4): 549-556.

Duckworth, J. W. and Hedges, S. (1998) Tracking tigers: a review of the status of Tiger, Asian Elephant, Gaur and Banteng in Vietnam, Lao, Cambodia and Yunnan province (China) with recommendations for future conservation action. Hanoi: WWF Indochina Programme.

GTZ and WWF (1999) GTZ and WWF technical component proposal: Yok Don National Park, Dak Lak province, Vietnam. Project proposal for UN Vietnam PARC Project: VIE/95/G31 and VIE/95/031.

GTZ and WWF (1999) Monthly report: reporting period August 1999. Unpublished report to Vietnam PARC Project. In Vietnamese.

GTZ and WWF (1999) PARC project: an introduction to the project. Unpublished report to Vietnam PARC Project. In Vietnamese.

Ha Van Hoach (1998) [List of butterfly species collected at Yok Don National Park]. Unpublished report to the Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Huynh Thu Ba (1998) Human migration and resource utilization. Hanoi: WWF Indochina Programme.

Le Xuan Canh, Pham Trong Anh, Duckworth, J. W., Vu Ngoc Thanh and Lic Vuthy (1997) A survey of large mammals in Dak Lak province, Vietnam. Hanoi: WWF Indochina Programme and IUCN.

MacKinnon, J., Laurie, A., Nhieu, Dang Huy Huynh, Le Vu Khoi and Ha Dinh Duc (1989) Draft management plan for Yok Don Nature Reserve, Easup district, Daklak province, Vietnam. Hong Kong: WWF.

Paine, J. R. (1990) The Yok Don reserve, Dak Lak. Garrulax 6: 8.